

Số: 20/2016/TT-BTC

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2016

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thực hiện cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội,
bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí quản lý bảo hiểm
xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp**

Căn cứ Luật bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội (sau đây viết tắt là BHXH), bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam, BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Bộ Công an.

2. Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức bảo hiểm thất nghiệp trực thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được giao thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp (sau đây gọi chung là tổ chức bảo hiểm thất nghiệp).

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến cơ chế quản lý tài chính về BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí quản lý BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

Chương II

CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VỀ BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

Điều 3. Lập dự toán

1. Nội dung dự toán:

a) Dự toán thu, chi BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được lập chi tiết theo nhóm đối tượng tham gia, nhóm đối tượng thụ hưởng; số thu, chi các chế độ tương ứng của từng nhóm đối tượng theo quy định của pháp luật về BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (mẫu số 01, 02, 03 và 04 ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Dự toán chi phí quản lý BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp lập chi tiết theo nội dung chi trên cơ sở nhiệm vụ thực tế phát sinh và mức chi theo chế độ quy định (mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư này);

c) Kế hoạch đầu tư từ các quỹ BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được lập chi tiết theo quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư từ quỹ BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (các chỉ tiêu của kế hoạch đầu tư tổng hợp theo mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Quy trình lập dự toán:

a) Các đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam lập dự toán thu, chi theo quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều này, gửi BHXH Việt Nam theo quy định của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam;

b) BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Bộ Công an lập dự toán thu, chi thuộc phạm vi thực hiện trong Bộ Quốc phòng, Bộ Công an theo quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều này, gửi BHXH Việt Nam;

c) Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội lập dự toán chi các chế độ bảo hiểm thất nghiệp và chi phí quản lý bảo hiểm thất nghiệp theo quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều này, gửi BHXH Việt Nam (mẫu số 04 và 05 ban hành kèm theo Thông tư này).

3. BHXH Việt Nam có trách nhiệm tổng hợp dự toán của các cơ quan quy định tại khoản 2 Điều này và kế hoạch đầu tư từ các quỹ quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, trình Hội đồng quản lý BHXH Việt Nam thông qua và gửi Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (mẫu số 01, 02, 03, 04, 05 và 06 ban hành kèm theo Thông tư này).

4. Đối với dự toán chi phí quản lý BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp phải đảm bảo tổng số không vượt quá mức chi phí quản lý hằng năm theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý tài chính về BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí quản lý BHXH, bảo hiểm y tế,

bảo hiểm thất nghiệp (sau đây viết tắt là Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg). Đối với dự toán chi đầu tư phát triển phải kèm theo danh mục chi tiết dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng.

Điều 4. Phân bổ dự toán, chuyển kinh phí chi lương hưu, trợ cấp BHXH từ nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo

1. Căn cứ dự toán chi ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao, BHXH Việt Nam phân bổ dự toán chi tiết theo các chế độ quy định tại Điều 27 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc, gửi Bộ Tài chính để thẩm định theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

2. Trước ngày 25 hằng tháng, Bộ Tài chính chuyển từ ngân sách trung ương một khoản kinh phí bằng mức chi bình quân một tháng của dự toán được cấp có thẩm quyền giao trong năm (trong đó có chi phí chi trả) vào quỹ BHXH để BHXH Việt Nam thực hiện chi trả cho người thụ hưởng trong tháng tiếp theo.

3. Sau khi quyết toán năm được duyệt, nếu số kinh phí Bộ Tài chính đã chuyển vào quỹ BHXH lớn hơn số quyết toán, BHXH Việt Nam nộp trả ngân sách trung ương phần chênh lệch thừa. Trường hợp số kinh phí Bộ Tài chính đã chuyển vào quỹ BHXH nhỏ hơn số quyết toán, Bộ Tài chính trình cấp có thẩm quyền cấp bổ sung phần chênh lệch thiếu cho BHXH Việt Nam.

Điều 5. Phương pháp xác định tiền lãi chậm đóng, trốn đóng, chiếm dụng tiền đóng, hưởng BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

1. Trường hợp chậm đóng BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, tiền lãi chậm đóng được xác định hằng tháng theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Số tiền lãi phải} \\ \text{thu phát sinh} \\ \text{trong tháng (n)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số tiền chậm đóng} \\ \text{lũy kế đến cuối} \\ \text{tháng (n-2)} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Lãi suất chậm} \\ \text{đóng (\%/tháng)} \end{array}$$

Trong đó:

- (n) là tháng xác định tiền lãi chậm đóng.

- (n-2) là tháng liền trước 02 tháng của tháng (n).

- Lãi suất chậm đóng (%/tháng) là mức lãi suất bình quân tính theo tháng do BHXH Việt Nam thông báo đầu năm theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg.

2. Trường hợp trốn đóng, đóng không đủ số người thuộc diện bắt buộc tham gia, đóng không đủ số tiền phải đóng theo quy định, đóng thấp hơn mức đóng của người thuộc diện bắt buộc tham gia, chiếm dụng tiền đóng hưởng BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (sau đây gọi là trốn đóng) được cơ quan BHXH, cơ quan có thẩm quyền phát hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2016,

thì ngoài việc truy thu số tiền phải đóng theo quy định, còn phải truy thu số tiền lãi tính trên số tiền, thời gian trốn đóng và mức lãi suất chậm đóng như sau:

a) Toàn bộ thời gian trốn đóng trước ngày 01 tháng 01 năm 2016, được tính theo mức lãi suất chậm đóng áp dụng đối với năm 2016;

b) Đối với thời gian trốn đóng từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 trở đi, được tính theo mức lãi suất chậm đóng áp dụng đối với từng năm và xác định theo công thức quy định tại khoản 1 Điều này.

Ví dụ 1: Ngày 20 tháng 01 năm 2016, cơ quan BHXH phát hiện doanh nghiệp M trốn đóng BHXH cho người lao động 12 tháng (tính đến hết tháng 12 năm 2015), số tiền 100 triệu đồng; giả sử mức lãi suất đầu tư quỹ BHXH bình quân theo tháng của năm 2015 do BHXH Việt Nam thông báo là 0,7%/tháng:

- Theo khoản 3 Điều 122 Luật BHXH năm 2014, doanh nghiệp M ngoài việc phải nộp số tiền đóng 100 triệu đồng, còn phải nộp số tiền lãi do trốn đóng là 16,8 triệu đồng ($100 \text{ triệu đồng} \times 12 \text{ tháng} \times 2 \times 0,7\%/\text{tháng}$).

- Trong tháng 01 năm 2016, nếu doanh nghiệp M không nộp hoặc nộp không đủ đối với số tiền trốn đóng, thì số tiền chưa nộp được chuyển sang tháng 02 năm 2016 để tính lãi theo công thức quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Số tiền lãi chậm đóng BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp phải thu trong tháng gồm số tiền lãi chậm đóng lũy kế đến cuối tháng trước liền kề chuyển sang và số tiền lãi chậm đóng tính trên số tiền chậm đóng phát sinh trong tháng được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Ví dụ 2: Đến hết tháng 12 năm 2015, số tiền chậm đóng BHXH của doanh nghiệp A là 700 triệu đồng (trong đó: Số tiền chậm đóng lũy kế đến cuối tháng 11 chuyển sang là 600 triệu đồng, số tiền chậm đóng phát sinh trong tháng 12 là 100 triệu đồng) và số tiền lãi chậm đóng BHXH là 50 triệu đồng. Giả sử mức lãi suất đầu tư quỹ BHXH bình quân theo tháng của năm 2015 là 0,7%/tháng. Theo khoản 3 Điều 122 Luật BHXH năm 2014, việc xác định tiền lãi chậm đóng BHXH đối với doanh nghiệp A trong tháng 01 năm 2016 (tháng n) như sau:

- Trong tháng 01 năm 2016: Doanh nghiệp A ngoài việc phải đóng đủ số tiền chậm đóng lũy kế đến cuối tháng 11 năm 2015 (tháng n-2) là 600 triệu đồng, còn phải nộp số tiền lãi bằng 02 lần mức lãi suất đầu tư quỹ BHXH bình quân của năm 2015 tính trên số tiền chậm đóng 600 triệu đồng. Số tiền lãi phải nộp phát sinh trong tháng 01 năm 2016 là 8,4 triệu đồng ($600 \text{ triệu đồng} \times 2 \times 0,7\%$).

- Đối với số tiền chậm đóng 100 triệu đồng phát sinh trong tháng 12 năm 2015: Trường hợp doanh nghiệp A nộp đủ trong tháng 01 năm 2016 thì không tính lãi; trường hợp doanh nghiệp A không nộp hoặc nộp không đủ, thì số tiền chưa nộp được chuyển sang tháng sau (tháng 02 năm 2016) để tính lãi.

- Tổng số tiền lãi chậm đóng BHXH phải thu của doanh nghiệp A lũy kế đến cuối tháng 01 năm 2016 là 58,4 triệu đồng, gồm: 50 triệu đồng của tháng 12 năm 2015 mang sang và 8,4 triệu đồng phát sinh trong tháng 01 năm 2016.

4. Hằng tháng, cơ quan BHXH có trách nhiệm gửi thông báo kết quả đóng BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người sử dụng lao động theo hướng dẫn của BHXH Việt Nam, trong đó ghi rõ số tiền chậm đóng BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và tiền lãi chậm đóng (nếu có).

Điều 6. Chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH và trợ cấp thất nghiệp theo phương thức ký hợp đồng với tổ chức làm đại lý chi trả

1. Hằng tháng, cơ quan BHXH chuyển tiền vào tài khoản của tổ chức làm đại lý chi trả để tổ chức làm đại lý chi trả tự rút tiền từ tài khoản của mình và thực hiện chi trả cho người thụ hưởng theo các thỏa thuận trong hợp đồng đã ký.

2. Tổ chức làm đại lý chi trả chịu trách nhiệm chi trả đúng, đủ, kịp thời và bảo đảm an toàn tiền mặt trong việc chi trả đến người thụ hưởng.

3. Trong thời gian thực hiện hợp đồng chi trả đã ký, cơ quan BHXH có trách nhiệm cử cán bộ kiểm tra, giám sát việc chi trả. Việc thanh toán chi phí chi trả của cơ quan BHXH cho tổ chức làm đại lý chi trả thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư này.

Điều 7. Quản lý và sử dụng kinh phí dành cho khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế chưa sử dụng hết từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

1. Đối với BHXH Việt Nam:

a) Khi thẩm định quyết toán năm đối với quỹ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế của BHXH cấp tỉnh, có trách nhiệm ghi rõ trong biên bản thẩm định quyết toán khoản 20% kinh phí dành cho khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế chưa sử dụng hết (nếu có) được sử dụng tại địa phương theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 6 Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế (sau đây viết tắt là khoản 20% được sử dụng tại địa phương);

b) Trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Hội đồng quản lý BHXH Việt Nam thông qua báo cáo quyết toán năm của quỹ bảo hiểm y tế, phải có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng gửi Sở Y tế và Sở Tài chính thông báo khoản 20% được sử dụng tại địa phương; đồng thời chuyển toàn bộ phần kinh phí này cho BHXH cấp tỉnh để sử dụng theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Tổng hợp số kinh phí đã sử dụng theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này vào quyết toán quỹ bảo hiểm y tế.

2. Đối với Sở Y tế:

a) Căn cứ thông báo của BHXH Việt Nam về số kinh phí chưa sử dụng hết được sử dụng tại địa phương, Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và BHXH cấp tỉnh xây dựng kế hoạch sử dụng theo thứ tự ưu tiên quy định tại điểm a khoản 3 Điều 35 sửa đổi, bổ sung của Luật bảo hiểm y tế, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;